



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN HỮU THẾ TRẠCH

**QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CAN,
BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật hình sự
Mã số: 62.38.40.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ**

TP. HỒ CHÍ MINH - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả, số liệu nghiên cứu nêu trong Luận án là trung thực và tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả những số liệu và kết quả nghiên cứu đó. Luận án này chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

NGUYỄN HỮU THẾ TRẠCH

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCVND	: Bào chữa viên nhân dân
BLHS	: Bộ luật hình sự
CCTP	: Cải cách tư pháp
CTN	: Chưa thành niên
CQĐT	: Cơ quan điều tra
CƯQT	: Công ước quốc tế
HĐXX	: Hội đồng xét xử
HTND	: Hội thẩm nhân dân
NBC	: Người bào chữa
QBC	: Quyền bào chữa
QCN	: Quyền con người
THTT	: Tiến hành tố tụng
TTHS	: Tố tụng hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TGPL	: Trợ giúp pháp lý
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VAHS	: Vụ án hình sự
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

Phần 1: PHẦN MỞ ĐẦU	1
Phần 2: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	8
Phần 3: NỘI DUNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	31
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN	31
1.1. Khái niệm quyền bảo chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam	31
1.2. Vai trò và đặc điểm của quyền bảo chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên	42
1.3. Quyền bảo chữa của người chưa thành niên trong pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài	66
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	80
2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền bảo chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên	80
2.2. Thực tiễn thực hiện quyền bảo chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự	112
CHƯƠNG 3: TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	137
3.1. Yêu cầu bảo đảm quyền bảo chữa trong cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	137
3.2. Một số giải pháp	143
KẾT LUẬN	163
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

Phần 1

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người (QCN) là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử, là một trong những giá trị quý báu nhất của nền văn minh nhân loại trong thời đại ngày nay. Những giá trị nền tảng tạo nên QCN là: Nhân phẩm - Tự do - Bình đẳng - Nhân đạo - Khoan dung và Trách nhiệm. Đây là những giá trị vốn có ở tất cả các nền văn hóa, được quốc tế hóa nhằm bảo vệ nó trong đời sống xã hội. Trong các quyền cơ bản đó, QCN trong tố tụng hình sự (TTHS), trong đó có quyền trẻ em và việc bảo đảm quyền trẻ em là rất quan trọng và vì thế việc nghiên cứu làm sáng tỏ những giá trị cao quý về QCN, nhất là các quyền nêu trên đều được quan tâm nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu khoa học.

Việt Nam đang trong tiến trình cải cách tư pháp (CCTP) nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ của mình trong việc thực hiện chủ trương và triển khai các nhiệm vụ CCTP. Nghị quyết 08- NQ/TW của Bộ chính trị về CCTP đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ cơ quan tư pháp, các ngành, các cấp và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tư pháp. Qua đó, hệ thống các cơ quan tư pháp đã được củng cố cả về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và các hoạt động hỗ trợ tư pháp từng bước được nâng cao. Việc bắt, giam giữ đã được xem xét, kiểm tra thường xuyên, công tác xét xử được xem xét thận trọng đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau tám năm thực thi chiến lược CCTP, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nhận xét bước đầu quá trình cải cách đã thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, hướng tới xây dựng nền tư pháp “*trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người*”. Tuy nhiên, công tác tư pháp vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu,

trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, vấn đề bảo đảm QCN nhất là quyền bào chữa (QBC) của bị can, bị cáo nói chung và của bị can, bị cáo là người chưa thành niên (CTN) nói riêng còn có hạn chế, sai sót. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, truy tố, xét xử, nhất là đối với bị can, bị cáo là người CTN. Pháp luật TTHS đã quy định thủ tục giải quyết những vụ án do người CTN thực hiện khá đầy đủ, cụ thể, trong đó có vấn đề bảo đảm QBC của họ. Tuy nhiên, trong thực tiễn vận dụng do xuất phát từ những nguyên nhân khách quan, chủ quan nên chất lượng điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn nhiều hạn chế, chưa bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, còn bộc lộ nhiều thiếu sót, dẫn đến việc giải quyết những vụ án không đạt hiệu quả cao cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN bị xâm hại, chưa đáp ứng đòi hỏi của tiến trình đổi mới tư pháp ở Việt Nam.

Xét từ góc độ quy định pháp luật, việc nghiên cứu về QBC trở nên cấp thiết hơn nữa khi Hiến pháp 2013 bên cạnh việc xác định nguyên tắc tranh tụng là nguyên tắc trong hoạt động xét xử của tòa án cũng đã xác định QBC là một trong các QCN, quyền cơ bản của công dân. Pháp luật hiện hành, cụ thể là Bộ luật TTHS 2003 đã dành một chương riêng (chương XXXII) quy định về thủ tục đối với người CTN. Đó là những quy định thủ tục đặc biệt về việc bắt, tạm giữ, tạm giam; về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường, của người bào chữa (NBC)... đối với những vụ án có người CTN phạm tội. Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy những quy định của Bộ luật TTHS 2003 đối với người CTN phạm tội tuy đã tương đối hoàn chỉnh, nhưng không khó để nhận thấy tính chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của các quy định này. Những bất cập này đã dẫn đến sự tùy tiện của cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) và người THTT xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN. Với những vấn đề nêu trên, quy định của pháp luật TTHS đối với người CTN phạm tội đặt ra những vấn đề cần phải hoàn thiện theo hướng cần thiết phải có những quy định cụ thể, chặt chẽ, thống nhất hơn nữa trong Bộ luật TTHS về thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người CTN.

Về mặt thực tiễn, việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người CTN trong những năm qua cho thấy khi áp dụng những quy định về thủ tục đặc biệt này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Nguyên nhân một phần là do cơ quan THTT chưa nắm vững và vận dụng chưa chính xác, triệt để quy định của pháp luật tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án do người CTN phạm tội và một phần do nhận thức của một bộ phận cán bộ những người THTT còn xem nhẹ vai trò CCTP, thậm chí do lợi ích cục bộ, không chấp hành nghiêm ngặt các quy định của pháp luật TTHS, thiếu tôn trọng và xem nhẹ quyền lợi của bị can, bị cáo là người CTN.

Từ các góc độ quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật nói trên, việc nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề bảo đảm QCN nói chung và QBC của bị can, bị cáo là người CTN trong TTHS nói riêng theo tinh thần CCTP ở Việt Nam hiện nay là hoàn toàn cấp thiết. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài ***“Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam”*** làm luận án Tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào cũng đều trả lời cho câu hỏi: việc thực hiện công trình nghiên cứu nhằm vào cái gì? Đây cũng chính là ý nghĩa thực tiễn của kết quả nghiên cứu. Không nằm ngoài cách tiếp cận trên, chúng tôi xác định mục tiêu của luận án nhằm nâng cao hiệu quả thực thi cơ chế đảm bảo QBC của bị can bị cáo là người CTN.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nếu như mục tiêu nghiên cứu đặt ra câu hỏi: nghiên cứu nhằm đạt được cái gì thì nhiệm vụ nghiên cứu lại trả lời cho câu hỏi – cần phải làm như thế nào để đạt được mục tiêu.

Trên cơ sở mục tiêu nêu trên, chúng tôi xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, phải phân tích, đánh giá được sự tác động của lý thuyết về QBC của bị can, bị cáo nói chung và bị can, bị cáo là người CTN nói riêng đến chất lượng của quy định pháp luật về quyền này.

Thứ hai, xác định, phân tích được các yếu tố tạo nên tính chất đặc thù của bị can, bị cáo là người CTN như chủ thể đặc biệt tham gia tố tụng.

Thứ ba, phân tích và đánh giá được thực trạng quy định pháp luật về QBC của bị can, bị cáo là người CTN cũng như quy định pháp luật về cơ chế đảm bảo thực thi quyền này.

Thứ tư, phân tích và đánh giá quy định pháp luật của một số quốc gia điển hình về QBC của bị can, bị cáo là người CTN.

Thứ năm, trên cơ sở so sánh quy định pháp luật Việt Nam về QBC của bị can, bị cáo là người CTN với kinh nghiệm của một số nước, đưa ra được các kiến nghị nâng cao hiệu quả nhằm đảm bảo thực thi quyền này.

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

3.1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu có thể hiểu là đối tượng nghiên cứu được khảo sát, nghiên cứu trong phạm vi nhất định về mặt thời gian, không gian và lĩnh vực nghiên cứu.

Về mặt thời gian:

- Về văn bản pháp luật, luận án chủ yếu được viết trên cơ sở phân tích, đánh giá quy định pháp luật TTHS từ năm 1998 đến nay. Bên cạnh đó để làm rõ quá trình hình thành và phát triển của chế định QBC nói chung và QBC của bị can, bị cáo là người CTN nói riêng luận án có đề cập tới những nội dung chủ yếu của quy định pháp luật về vấn đề này từ giai đoạn năm 1945.

- Về số liệu khảo sát thủ tục TTHS, luận án sẽ phân tích trên các số liệu từ trước năm 2009 đến năm 2012.

Về mặt không gian, đối tượng nghiên cứu sẽ được phân tích và đánh giá qua quy định pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, Liên Bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Về số liệu khảo sát, luận án sẽ thu thập số liệu về thực tiễn tiến hành hoạt động tố tụng từ các Đoàn luật sư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Tiền Giang, Lâm Đồng; Tòa án nhân dân (TAND) tối cao và đặc biệt là TAND Thành phố Hồ Chí Minh. Việc chọn lựa các địa bàn khảo sát nói trên được giải thích bởi các lý do như sau:

Thứ nhất, người thực hiện luận án là cán bộ tư pháp của phía Nam với trên 10 năm kinh nghiệm thực tế thì việc tích góp và thu thập số liệu trên địa bàn phía Nam sẽ là thuận lợi đầu tiên. Nhưng chính điều này cũng là một hạn chế cho việc thu thập số liệu ở các địa bàn khác, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Trên địa bàn khu vực phía Nam, nếu xét về số lượng vụ án thì các tỉnh Kiên Giang, Tiền Giang, Lâm Đồng và đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng vụ án hình sự (VAHS) liên quan tới người CTN phạm tội cao hơn so với các địa bàn khác (có thể tham khảo Phụ lục 3, 4, 5, 6). Xét về góc độ áp dụng pháp luật, mục đích của việc lựa chọn các địa bàn và đối chiếu giữa thực tiễn tiến hành tố tụng tại Thành phố Hồ Chí Minh với các địa bàn trên nhằm cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan của người THPT đến hiệu quả thực thi pháp luật nói chung và QBC của người CTN nói riêng.

Thứ hai, việc không tiến hành lấy số liệu khảo sát từ khu vực phía Bắc hoàn toàn không xuất phát từ việc phủ nhận giá trị thực tiễn của số liệu. Vấn đề ở chỗ, thực tiễn THPT tại khu vực phía Bắc đã được nghiên cứu, xem xét qua các diễn đàn, Hội thảo, tập huấn, các tài liệu báo cáo chuyên ngành. Cùng với những khó khăn mang tính chất chủ quan và khách quan của việc thu thập số liệu, thay vì tiến hành lấy khảo từ các cơ quan THPT ở phía Bắc, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích

các số liệu có được từ các bài viết trên Hội thảo, diễn đàn khoa học và Báo cáo chuyên ngành.

Về lĩnh vực nghiên cứu: trọng tâm nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn về QBC của bị can, bị cáo là người CTN trong TTHS Việt Nam. Bên cạnh đó, để có thêm tính thuyết phục cho cơ sở thực tiễn và lý luận của việc đưa ra các kiến nghị, luận án thực hiện việc phân tích, so sánh với pháp luật tố tụng của một số nước trên thế giới trong lĩnh vực liên quan. Việc lựa chọn hệ thống pháp luật nước ngoài để so sánh được dựa trên các tiêu chí như tính tương đồng về các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tính chất điển hình về cơ sở pháp lý cũng như thực tiễn của hoạt động TTHS liên quan tới đối tượng nghiên cứu của luận án.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu khoa học là QBC của bị can, bị cáo là người CTN theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia.

4. Những điểm mới của luận án

Luận án đã làm rõ được một số những vấn đề lý luận về QBC của bị can, bị cáo là người CTN trong TTHS Việt Nam; đánh giá được vai trò của QBC và xác định rõ những đặc điểm về nội dung và hình thức thực hiện QBC của bị can, bị cáo là người CTN trong TTHS Việt Nam;

Luận án đã khái quát được pháp luật TTHS Việt Nam về QBC nói chung và của bị can, bị cáo là người CTN nói riêng và làm rõ được sự hình thành, phát triển của chế định này trong pháp luật TTHS Việt Nam, rút ra những kế thừa cần thiết cho việc tiếp tục hoàn thiện chế định này;

Luận án đưa ra được những thông tin khoa học về chế định QBC của người bị buộc tội là người CTN trong pháp luật của Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đó là những quốc gia đại diện cho các truyền thống pháp luật khác nhau, đồng thời cũng là những nước mà pháp